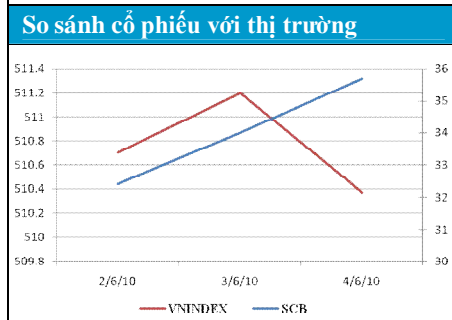
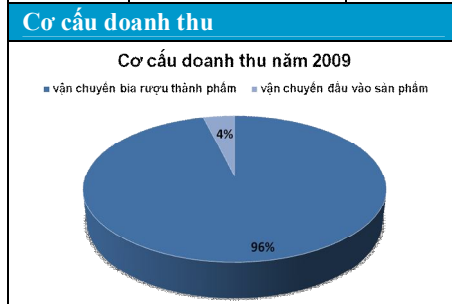


| | |
|------------------|--------|
| Ngày: 04/06/2010 | |
| Giá tham chiếu | 35,700 |
| P/E 2010 | 4.35x |
| Giá mục tiêu | 42,619 |

| Thông tin cơ bản | |
|-----------------------------|------------|
| Sản phẩm chính | Vận chuyển |
| Vốn điều lệ (tỷ VND) | 80 |
| Vốn hóa thị trường (tỷ VND) | 285 |
| Sở hữu nước ngoài | 0% |
| Sở hữu nhà nước | 25% |
| Tỷ lệ HĐQT và BKS | 31.4% |

| Khuyến nghị gần nhất | | |
|----------------------|--------------------------------------|-------------|
| Ngày xuất bản | Giá đóng cửa tại ngày ra khuyến nghị | Khuyến nghị |
| | | |
| | | |



| | |
|-------------|---|
| Tên công ty | CTCP VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN (SBC) |
| Khuyến nghị | Mua |

Khuyến nghị đầu tư

Năm 2009, là một năm kinh doanh rất thành công của Sabetran khi doanh thu tăng trưởng 13.17% so với năm 2008, đạt 544.89 tỷ đồng. Lợi nhuận ròng tăng 82.36% so với năm 2008 tương ứng đạt 72.4 tỷ đồng, EPS là 9,052 đồng.

Trong năm 2010, dự kiến tốc độ tăng trưởng của Sabetran tăng trưởng khoảng 7.7% so với năm 2009, doanh thu ước đạt 586.8 tỷ đồng. Lợi nhuận ròng ước tính 56.69 tỷ, tương ứng EPS 2010 đạt 8,212 đồng, PE ở mức 4.35x, đây là một mức P/E khá thấp so với trung bình ngành cũng như cả thị trường. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên xem xét mua vào.

Những điểm chú ý

- Là doanh nghiệp lâu đời trong ngành vận tải rượu bia, SBC có được nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh hơn so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành.
- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2007 – 2009 đến từ sự đầu tư hợp lý và khai thác tối đa công suất vận tải.
- Thị trường vận tải chính của Sabetran là vận tải bia rượu và hàng hoá nguyên liệu của Sabeco. Sản lượng của Sabeco tăng trưởng ổn định từ 5 – 10%/năm là yếu tố thuận lợi cho sự phát triển của Sabetran.
- Đặc thù của ngành vận tải là chịu tác động rất lớn của giá dầu và dầu nhờn đến giá thành vận chuyển. Giá dầu chiếm tới 40% giá thành vận chuyển của Sabetran, vì vậy nhà đầu tư phải quan sát chặt chẽ diễn biến của giá dầu nếu có ý định đầu tư vào Sabetran.

| Chỉ tiêu | Q4-09 | Q1-10 | Q2-10F | Q3-10F | Q4-10F | 2009 | 2010F |
|---|----------|------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Doanh thu (triệu đồng) | NA | 103,045 | 141,600 | 165,200 | 177,000 | 544,898 | 586,845 |
| Tăng trưởng(%) | NA | 26.58% | NA | NA | NA | 13.17% | 7.70% |
| Tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu(%) | NA | 7.78% | 10.79% | 21.19% | 21.95% | 18.16% | 16.56% |
| Tỷ lệ lợi nhuận thuần trên doanh thu(%) | NA | 4.45% | 7.04% | 17.44% | 18.20% | 14.49% | 12.88% |
| Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) | NA | 4,584 | 10,084 | 28,942 | 32,362 | 79,395 | 75,973 |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) | NA | 3,964 | 8,720 | 25,027 | 27,984 | 72,414 | 65,695 |
| Tăng trưởng(%) | NA | -42.50% | NA | NA | NA | 82.36% | -9.28% |
| EPS (Đồng) | - | 496 | 1,090 | 3,128 | 3,498 | 9,052 | 8,212 |

(*) EPS 2009, 2010 được tính theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 8,000,000.

CÁC ĐIỂM CHÍNH

1/ Giới thiệu công ty:

| | |
|---------------|--|
| Tên đầy đủ | : CTCP VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SG |
| Tên viết tắt | : Sabetran JSC |
| Niêm yết | : Hose |
| Mã | : SBC |
| Địa chỉ | : 78 Tôn Thất Thuyết, P.16, Q.4, Tp.HCM. |
| Điện thoại | : 84.8 3940 4347 |
| Fax | : 84.8 3940 4313 |
| Website | : www.sabetranjsc.com |
| Vốn điều lệ | : 80 tỷ đồng |
| Ngày niêm yết | : 02/06/2010 |

2/ Lịch sử hình thành:

Sabetran tiền thân là đội xe của Công ty BGI, được cổ phần hoá năm 1995, niêm yết trên Hose tháng 06/2010.

Tiền thân của Sabetran là đội xe của Công ty BGI năm 1977, trực thuộc Liên hiệp xí nghiệp Rượu bia - NGK II.

Trước ngày 01/07/1977 đại bộ phận Liên hiệp xí nghiệp rượu bia - NGK II (nay là Tổng công ty cổ phần Bia rượu nước giải khát Sài Gòn) thuộc sở hữu của hãng bia BGI. Đây là hãng sản xuất bia, nước giải khát và nước đá chủ yếu ở miền Nam trước đây.

Đến năm 2005 đội xe được cổ phần hoá trở thành Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn. SBT sẽ được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán HCM tháng 06/2010 với 8 triệu cổ phiếu.

3/ Triển vọng ngành:

Ngành sản xuất bia rượu của Việt Nam có tốc độ tăng trưởng ổn định khoảng 8%/năm giai đoạn 2004 – 2009 và dự đoán tăng trưởng 5.82% trong giai đoạn 2009 – 2014

Tổng sản lượng tiêu thụ bia giai đoạn 2004 – 2009 đạt mức tăng trưởng trung bình 8%/năm. Năm 2008, sản lượng tiêu thụ bia đạt 1.9 tỷ lít, chiếm 97.9% sản lượng đồ uống có cồn toàn thị trường. Dự báo sản lượng bia trên thị trường Việt Nam tăng trưởng trung bình 5.82%/năm trong giai đoạn 2009 – 2014, từ 1,931 triệu lít lên 2,563 triệu lít bia (Nguồn: Vietnam Food and Drink report Q2/2010 của BMI), Với tốc độ tăng trưởng ổn định của ngành bia rượu, là cơ hội rất lớn trong việc gia tăng doanh thu và lợi nhuận của Sabetran trong những năm tới.

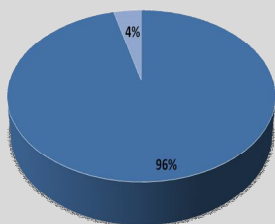
4/ Hoạt động kinh doanh chính:

Sabetran chuyên cung cấp dịch vụ vận tải phục vụ Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng Công Ty Cổ Phần Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn, bao gồm vận chuyển thành phẩm (bia, rượu, nước ngọt, gạo...) và vật tư phục vụ sản xuất (vỏ chai, két chai, pallet nhựa...)

Đối tượng khách hàng chính của Sabetran là tổng công ty và các đơn vị trong nội bộ tổng công ty cổ phần bia rượu nước giải khát Sài Gòn. Đây là lợi thế về nguồn khách hàng của Sabetrans vì tính ổn định của đầu ra.

Cơ cấu doanh thu năm 2009

■ vận chuyển bia rượu thành phẩm ■ vận chuyển đầu vào sản phẩm



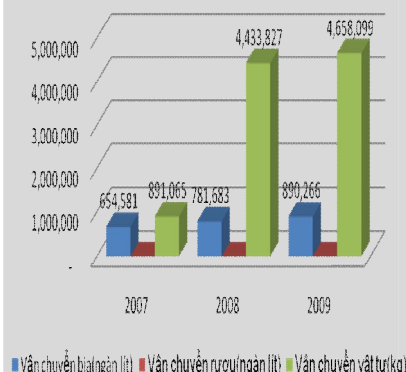
Nguồn: Sabetran

5/ Vị thế của Công ty trong ngành:

Hiện nay Sabetran không gặp nhiều sự cạnh tranh của các đối thủ do là công ty con của Sabeco(sabeco chiếm 35% thị phần ngành bia rượu Việt Nam), vì vậy công ty luôn có nhiều thuận lợi trong kinh doanh cũng như trong hoạt động vận chuyển. Cho tới nay, Sabetran mới chỉ đảm nhận được 65% thị phần trong lĩnh vực vận chuyển rượu bia, nước giải khát và vật tư cho các nhà máy và đơn vị thành viên thuộc Sabeco, thị phần vận chuyển còn lại của Sabeco được thuê ngoài. Sabetran phấn đấu sẽ đạt được 70% thị phần tại Sabeco trong thời gian tới.

6/ Năng lực vận chuyển:

Năng lực vận chuyển giai đoạn 2007 - 2009



Nguồn: Sabetran

Năng lực vận chuyển giai đoạn 2007 - 2009

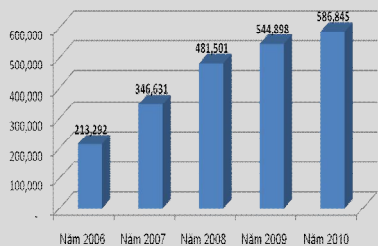
| Yếu tố | Năm 2007 | | Năm 2008 | | Năm 2009 | |
|----------------------------|----------|---------|-----------|---------|-----------|---------|
| | Giá trị | YoY (%) | Giá trị | YoY (%) | Giá trị | YoY (%) |
| Vận chuyển bia (ngàn lít) | 654,581 | 27.32 | 781,683 | 19.42 | 890,266 | 13.89 |
| Vận chuyển rượu (ngàn lít) | - | 0.00 | 534 | 100.00 | 335 | -37.27 |
| Vận chuyển vật tư (kg) | 891,065 | 100.00 | 4,433,827 | 397.59 | 4,658,099 | 5.06 |

Nguồn: Sabetran

Tính tới ngày 31/12/2010 đội xe của Sabetran gồm 177 chiếc, Sabetran luôn chú trọng nâng cao năng lực vận chuyển và chất lượng vận chuyển của mình. Dự kiến tới năm 2015, Công ty sẽ có 230 chiếc, sản lượng vận chuyển của công ty sẽ đạt 1.5 tỷ lít, tăng 68% so với mức 890.27 triệu lít năm 2009 và sẽ đáp ứng được 70% nhu cầu vận chuyển của Sabeco.

7/ Doanh thu và tốc độ tăng trưởng doanh thu:

Doanh thu thuần giai đoạn 2006 - 2010



Nguồn: Sabetran

Doanh thu và tăng trưởng doanh thu giai đoạn 2007 - 2009

Đơn vị: tỷ đồng

| Yếu tố | Năm 2007 | | Năm 2008 | | Năm 2009 | |
|----------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|--------------|
| | Giá trị | YoY (%) | Giá trị | YoY (%) | Giá trị | YoY (%) |
| Vận chuyển bia (ngàn lít) | 342.9 | - | 462.7 | 35.0% | 525.3 | 13.52% |
| Vận chuyển rượu (ngàn lít) | 0.0 | - | 0.2 | 100.0% | 0.1 | -40.91% |
| Vận chuyển vật tư (kg) | 3.7 | - | 19.6 | 424.4% | 19.5 | -0.31% |
| Tổng | 346.6 | 62.5% | 482.5 | 38.9% | 544.89 | 13.2% |

Nguồn: Sabetran

Doanh thu trong giai đoạn 2007 – 2009 có tốc độ tăng trưởng khá mạnh với tốc độ trung bình đạt 38.2% năm và có xu hướng giảm dần. Trong năm 2009 doanh thu đạt 544.89 tỷ đồng tăng 13.52% so với năm 2008, do đây là năm cuối cùng trong đợt đầu nâng cao năng lực vận tải thông qua việc đầu tư phương tiện vận

tải, nên Sabetran đã không còn đạt tốc độ tăng trưởng mạnh như những năm trước.

8/ Phân tích chi phí giai đoạn 2007 - 2009:

Cơ cấu chi phí trong giai đoạn 2007 - 2009

Đơn vị: tỷ đồng

| Yếu tố | Năm 2007 | | Năm 2008 | | Năm 2009 | | Chênh lệch | |
|------------------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|------------|--------|
| | Stiền | %/DT | Stiền | %/DT | Stiền | %/DT | Stiền | % |
| Giá vốn hàng bán | 334.80 | 96.59 | 427.48 | 88.78 | 445.96 | 81.84 | 18.48 | 4.32 |
| Chi phí bán hàng | 3.05 | 0.88 | 3.90 | 0.81 | 7.89 | 1.45 | 3.99 | 102.26 |
| Chi phí QLDN | 5.25 | 1.51 | 9.27 | 1.93 | 15.97 | 2.93 | 6.70 | 72.24 |
| Tổng | 343.09 | 98.98 | 444.68 | 92.35 | 473.62 | 86.92 | 28.94 | 6.51 |

Nguồn: SBC

Đặc thù của Sabetran là hoạt động trong ngành vận tải, vì vậy nguyên vật liệu chính của Sabetran là dầu và dầu nhờn. Trong cơ cấu chi phí của Sabetran, chi phí xăng dầu chiếm tới 40% giá thành vận chuyển, vì vậy giá xăng dầu biến động ảnh hưởng rất lớn tới chi phí và lợi nhuận của Sabetran. Trong năm 2009 giá dầu thô tăng từ mức 44.6 USD ngày 31/12/2008 lên tới 81.37 USD/thùng vào tháng 10/2009, đây là mức phục hồi khá mạnh, dẫn đến nhiều doanh nghiệp trong ngành vận tải đã chịu thua lỗ. Tuy nhiên, khi nhìn lại ta thấy giá vốn hàng bán trong năm 2009 chiếm 81.84% trong tổng doanh thu, trong khi đó năm 2008 là 88.78%, đây là thành quả đáng khích lệ của Sabetran trong việc quản lý chi phí. Được biết Sabetran có nhiều hình thức quản lý đội xe rất hiện đại như gắn thiết bị định vị vệ tinh GPS cho toàn bộ xe của mình, vì vậy có thể kiểm soát chặt chẽ tuyến đường mà đội xe vận hành, ghi nhận và tìm cách giảm thời gian chạy không tải xuống mức thấp. Đầu tư thiết bị tiết giảm nhiên liệu nhằm tiết giảm được từ 7% - 9% nhiên liệu vận hành và giảm được một lượng khói thải. Kết quả của những biện pháp này đã được phản ánh rõ nét qua lợi nhuận của Sabetran. Ngoài ra việc đầu tư thêm một số xe mới có tính năng tiết kiệm nhiên liệu hơn cũng là nguyên nhân quan trọng giúp giảm giá thành vận chuyển.

9/ Phân tích lợi nhuận 2007 - 2009:

Khái quát kết quả kinh doanh giai đoạn 2007 - 2009

Đơn vị: tỷ đồng

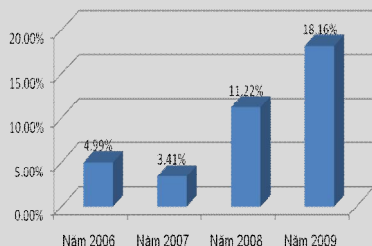
| Khoản mục | 2007 | | 2008 | | 2009 | | Chênh lệch | |
|----------------------|-------|------|-------|-------|-------|-------|------------|-------|
| | Stiền | %/DT | Stiền | %/DT | Stiền | %/DT | Stiền | ±(%) |
| Lợi nhuận gộp | 11.83 | 3.41 | 54.02 | 11.22 | 98.93 | 18.16 | 44.92 | 83.15 |
| Lợi nhuận HĐKD | 4.43 | 1.28 | 40.87 | 8.49 | 78.96 | 14.49 | 38.08 | 93.17 |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.50 | 1.30 | 44.21 | 9.18 | 79.40 | 14.57 | 35.18 | 79.58 |
| Lợi nhuận ròng | 4.50 | 1.30 | 39.71 | 8.25 | 72.41 | 13.29 | 32.70 | 82.36 |
| EPS | 562 | | 4,964 | | 9,052 | | | |

Nguồn: SBC

Sabetran có cách quản lý đội xe hiệu quả và xe thuộc loại khá mới vì vậy chi phí được quản lý tốt.

Kết quả kinh doanh năm 2009 của Sabetran có sự tăng trưởng vượt bậc so với năm 2008, khi doanh thu tăng trưởng 13.17%, lợi nhuận ròng tăng 82.36%, EPS đạt 9,052 đồng.

Lợi nhuận biên giai đoạn 2006 - 2009



Nguồn: Sabetran

Kết quả kinh doanh năm 2009 của Sabetran có sự tăng trưởng vượt bậc so với năm 2008, khi lợi nhuận gộp tăng tới 83.15%, tương ứng tăng 44.92 tỷ đồng, lợi nhuận thuần tăng 93.17% tương ứng tăng 38.08 tỷ đồng, lợi nhuận ròng tăng 82.36% tương ứng tăng 32.7 tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh đạt tăng trưởng vượt bậc đến từ 03 lý do chính sau: Trong năm 2009 Sabetran được vay với gói hỗ trợ lãi suất 4%/năm, đây là yếu tố quan trọng giúp Công ty tiết giảm được giá thành. Ngoài ra Công ty liên tục đầu tư vào các loại xe đời mới tiêu hao nhiên liệu ít hơn cũng là nguyên nhân quan trọng giúp giảm giá thành. Một nguyên nhân nữa là công ty tăng cường quản lý và thiết lập lịch trình chạy xe khoa học hơn, quản lý đội xe chặt chẽ hơn cũng là yếu tố quan trọng giúp Sabetran tăng trưởng lợi nhuận.

Lợi nhuận biên giai đoạn 2006 - 2009

| Năm | Năm 2006 | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 |
|----------------|----------|----------|----------|----------|
| Lợi nhuận biên | 4.99% | 3.41% | 11.22% | 18.16% |

Nguồn: SBC

Hiệu quả hoạt động của Sabetran được tăng lên rõ rệt, trong năm 2006, cứ 100 đồng doanh thu công ty thu được chưa tới 5 đồng lãi, trong khi con số này năm 2009 lên tới 18.16 đồng. Các công ty có lợi nhuận biên tăng trưởng đều và cao thường mang lại lợi nhuận cao cho nhà đầu tư trong thời gian dài và ổn định.

10/ Triển vọng trong năm 2010:

Ước tính trong năm 2010, doanh thu Sabetran có thể tăng trưởng 7.7% so với năm 2009, đạt 586.8 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch của Công ty đưa ra là 32.4 tỷ đồng giảm 55.26% so với thực tế năm 2009. Tuy nhiên, đây là ước tính của Sabetran với giá dầu là 140 USD/thùng. Theo chúng tôi ước tính giá dầu trong năm 2010 sẽ khó có thể tăng tới mức đó mà sẽ dao động quanh mức 70 – 80 USD/thùng, vì vậy chúng tôi ước tính lợi nhuận sau thuế của Sabetran có thể đạt 65.69 tỷ đồng giảm 9.28% so với năm 2009 vì nếu so sánh với năm 2009 thì giá dầu vẫn duy trì ở mức cao, ngoài ra do năm 2009 là năm cuối cùng của đợt đầu tư tăng cường mua sắm thêm xe, năng lực vận chuyển này do vậy năm 2010 số lượng xe sẽ không tăng so với các năm trước. Đồng thời, năm 2010 Sabetran không còn được hỗ trợ lãi suất 4% như năm 2009. Đây là những nguyên nhân chúng tôi cho rằng lợi nhuận của Sabetran có thể giảm nhẹ trong năm tài chính 2010. Trên cơ sở đó, chúng tôi dự phóng EPS năm 2010 của SBC là 8,212 tính trên 8 triệu cổ phiếu lưu hành.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH SABETRAN

| Kết quả kinh doanh | 2006 | 2007 | 2008 | 2009 | 2010F |
|-----------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| Doanh thu thuần | 213,292 | 346,631 | 481,501 | 544,898 | 586,845 |
| Giá vốn hàng bán | 202,641 | 334,799 | 427,484 | 445,964 | 489,683 |
| Lợi nhuận gộp | 10,651 | 11,832 | 54,017 | 98,934 | 97,161 |
| Chi phí bán hàng | 2,317 | 3,046 | 3,900 | 7,888 | 8,313 |
| Chi phí quản lý | 4,013 | 5,249 | 9,270 | 15,967 | 17,873 |
| Lợi nhuận tài chính | 335 | 894 | 27 | 3,878 | 4,610 |
| Lợi nhuận thuần HĐKD | 4,656 | 4,431 | 40,874 | 78,957 | 75,585 |
| Lợi nhuận khác | 2 | 64 | 3,337 | 438 | 388 |
| Lợi nhuận trước thuế | 4,658 | 4,495 | 44,211 | 79,395 | 75,973 |
| Thuế thu nhập | 0 | 0 | 4,501 | 6,982 | 10,278 |
| Lợi nhuận sau thuế | 4,658 | 4,495 | 39,710 | 72,414 | 65,695 |
| EPS | 1,941 | 613 | 5,015 | 9,052 | 8,212 |

| Bảng cân đối kế toán | 2006 | 2007 | 2008 | 2009 | 2010F |
|------------------------------|---------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| <u>Tổng tài sản</u> | 71,378 | 171,732 | 236,054 | 358,654 | 420,213 |
| Tài sản ngắn hạn | 61,708 | 145,852 | 136,635 | 227,558 | 264,116 |
| Tiền | 40,788 | 43,657 | 42,005 | 88,078 | 103,395 |
| Khoản phải thu | 19,331 | 81,518 | 71,722 | 83,954 | 96,364 |
| Hàng tồn kho | 484 | 420 | 973,613 | 486,788 | 569,639 |
| Đầu tư dài hạn | N.A | 14,850 | 15,400 | 15,600 | 18,778 |
| Tài sản cố định | 9,509 | 10,790 | 83,765 | 115,410 | 137,218 |
| <u>Tổng nợ</u> | 42,720 | 65,134 | 102,161 | 162,342 | 190,206 |
| Nợ ngắn hạn | 42,720 | 65,105 | 67,130 | 106,565 | 124,855 |
| khoản phải trả | 42,720 | 65,105 | 62,130 | 87,387 | 102,386 |
| Nợ dài hạn | N.A | 29,427 | 35,031 | 55,777 | 65,350 |
| Nợ khác | N.A | N.A | N.A | N.A | N.A |
| <u>Vốn chủ sở hữu</u> | 28,658 | 106,599 | 133,892 | 196,312 | 230,007 |
| Vốn điều lệ | 24,000 | 73,300 | 79,185 | 80,000 | 80,000 |
| Lợi nhuận giữ lại | 4,658 | 9,153 | 13,219 | 61,781 | 95,475 |
| <u>Nguồn vốn</u> | 71,378 | 171,734 | 236,054 | 358,654 | 420,213 |

| Phân tích tỷ lệ | 2006 | 2007 | 2008 | 2009 | 2010F |
|------------------------------|---------|--------|---------|--------|--------|
| Tăng trưởng(%) | | | | | |
| Doanh thu | N.A | 62.51% | 38.91% | 13.17% | 7.70% |
| Lợi nhuận gộp | N.A | 11.09% | 356.53% | 83.15% | -1.79% |
| Lợi nhuận kinh doanh | N.A | -4.83% | 822.41% | 93.17% | -4.27% |
| Lợi nhuận ròng | N.A | -3.49% | 783.40% | 82.36% | -9.28% |
| Khả năng sinh lợi (%) | | | | | |
| Tỷ lệ lợi nhuận gộp biên | 4.99% | 3.41% | 11.22% | 18.16% | 16.56% |
| Tỷ lệ LN HĐKD/doanh thu | 2.18% | 1.28% | 8.49% | 14.49% | 12.88% |
| Tỷ lệ lãi sau thuế/doanh thu | 2.18% | 1.30% | 8.25% | 13.29% | 11.19% |
| ROA | 6.53% | 2.62% | 16.82% | 20.19% | 15.63% |
| ROE | 16.25% | 4.22% | 29.66% | 36.89% | 28.56% |
| Cơ cấu nguồn vốn | | | | | |
| Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu | 149.07% | 61.10% | 76.30% | 82.70% | 82.70% |
| Tỷ lệ Nợ/ Tổng tài sản | 59.85% | 37.91% | 28.44% | 29.71% | 29.71% |
| Tỷ lệ Nợ NH/Tổng nợ | 100.00% | 99.95% | 65.71% | 65.64% | 65.64% |
| Phân tích tỷ lệ khác | | | | | |
| Số ngày tồn kho | 1 | 0 | 738 | 326 | 354 |
| Số ngày phải thu | 33 | 86 | 54 | 56 | 60 |
| Số ngày phải trả | 77 | 71 | 53 | 72 | 76 |

KHUYẾN CÁO

Nội dung bản tin này do Công ty Cổ phần Chứng khoán Miền Nam (MNSC) cung cấp chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ các nguồn tin đáng tin cậy, nhưng MNSC không đảm bảo tuyệt đối độ chính xác của thông tin và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào mua hay bán và nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào.

Báo cáo này là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Miền Nam (MNSC). Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích nào nếu không có sự đồng ý của MNSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này.

LIÊN HỆ

PHÒNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIỀN NAM

Địa chỉ: 28-30-32 Nguyễn Thị Nghĩa, Q.1, Tp.HCM

Tel: (848) 2556518 – Fax (848) 2556519

Email: ppt-mnsc@miennamstocks.com.vn

Website : www.mnsc.vn